TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – ĐN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **92**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2026
V/v "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ Phiên toà*: Ông Đỗ Tấn Trường
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hoàng Hanh
Ông Nguyễn Hoàng Đạt
- *Thư ký Phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Anh Đào -Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 11 – ĐN.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – ĐN tham gia Phiên tòa*: Ông Nông Quang Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 11 – ĐN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 202/2026/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 84/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn Phiên toà số 55/2026/QĐ-ST ngày 18/8/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 2002, CCCD số 070302003516; Địa chỉ: Thôn Bình Đức 2 (nay là thôn Bình Đức), xã Phú Nghĩa, thành phố ĐN. (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)
- Bị đơn: Ông Phạm P, sinh năm 1994, CCCD số 070094003591; Địa chỉ: Khu phố Phước Quả, phường Phước Long, thành phố ĐN. (vắng mặt)
- Người có quyền và lợi ích được bảo vệ: Cháu Phạm Ngọc Lan Phương, sinh ngày 24/3/2026.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày*:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm P tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Phú Nghĩa, tỉnh ĐN (nay là thành phố ĐN) vào ngày 19/9/2025.

Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp với nhau về tính cách, vợ chồng không còn quan tâm và lo lắng cho nhau, hiện đang sống ly thân từ tháng 01 năm 2026 cho đến nay. Bà xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh

phúc, không đạt được mục đích chung sống nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm P.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông h có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc Lan Phương, sinh ngày 24/3/2026. Khi ly hôn, bà T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ngày 27/8/2026, nguyên đơn bà T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về phần cấp dưỡng nuôi con chung và hai bên sẽ tự thoả thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm P trình bày:

Ông thống nhất với bà Nguyễn Thị T về quan hệ hôn nhân, quá trình sống chung thì vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đến mức phải ly hôn nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung thì ông với bà T có 01 con chung là cháu Lan Phương, nếu ly hôn thì ông đồng ý giao cho bà T trực tiếp nuôi cho đến khi trưởng thành. Ông không đồng ý mức cấp dưỡng 5.000.000 đồng mỗi tháng.

Về tài sản chung, nợ chung không có.

Tại Phiên toà, nguyên đơn bà T và bị đơn ông P vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại Phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – ĐN phát biểu: (Có bản phát biểu riêng)

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217, 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T. Giao con chung cháu Phạm Ngọc Lan Phương, sinh ngày 24/3/2026 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi. Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí hôn nhân và nghĩa vụ thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với ông Phạm P có nơi cư trú tại khu phố Phước Quả, phường Phước Long, thành phố ĐN. Tòa án nhân dân Khu vực 11 – ĐN xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung". Căn cứ các Điều 28; 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 11 – ĐN.

[2] Tại Phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Phạm P vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bên đương sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T với ông Phạm P là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/9/2025 tại Uỷ ban nhân dân xã Phú Nghĩa, tỉnh ĐN (nay là thành phố ĐN).

[4] Bà T xác định trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp với nhau về tính cách, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến vợ chồng không thể sống chung hiện vợ chồng sống ly thân, bà T xác định không thể sống chung với nhau được nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, giải thích cho bà T các hệ lụy, hậu quả xảy ra khi ly hôn để vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì đời sống hôn nhân và cương quyết yêu cầu được ly hôn. Ông P cũng thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, có xảy ra cãi nhau và đánh đập nhau. Điều này cho thấy hôn nhân giữa bà T và ông P đã trở nên trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, bà T được ly hôn với ông P.

[5] Về việc nuôi con chung:

Bà T và ông P xác định có 01 con chung cháu Phạm Ngọc Lan Phương, sinh ngày 24/3/2026. Khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và Th thần. Xét thấy, hiện cháu Lam Phương còn nhỏ (dưới 12 tháng tuổi) đang sống chung bà T, bản thân ông P cũng đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi là phù hợp nên được ghi nhận. Do đó cần giao cháu Lan Phương cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Lan Phương

trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tuy nhiên, ngày 27/8/2026, nguyên đơn bà T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với phần này, việc rút đơn là tự nguyện nên được ghi nhận, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu cấp dưỡng, bà T có quyền khởi kiện lại đối với phần này.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – ĐN tại Phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39 và Điều 147, 217, 218, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết các vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Phạm P. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm P chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao con chung cháu Phạm Ngọc Lan Phương, sinh ngày 24/3/2026 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[3] Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về phần cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Nguyễn Thị T có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0010711 ngày 11/5/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 – ĐN, Thi hành án dân sự thành phố ĐN. Hoàn trả số tiền 300.000 đồng còn lại cho bà Nguyễn Thị T.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại Phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự; người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 4 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND thành phố ĐN;
- VKSND Khu vực 11 – ĐN;
- THADS Khu vực 11 – ĐN;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Nghĩa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa

Đỗ Tấn Trường